TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 22 – 4 – 2026.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và bà Hồ Thị Phi Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; căn cước công dân số 046184004768, cấp ngày 20/3/2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1984; căn cước công dân số 046084014248; địa chỉ: Số X đường T, phường T, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hữu S tìm hiểu nhau được 01 năm, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 12 năm 2004 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố Huế). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã và không tìm được tiếng

nói chung. Chị C và anh S đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, anh chị sống ly thân nhau đã lâu nên chị C yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S.

- Về con chung: Chị C và anh S có 02 con chung là Nguyễn Hữu Quốc H, sinh ngày 25/9/2005 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 06/5/2012. Con chung Nguyễn Hữu Quốc H đã trên 18 tuổi và có đủ năng lực hành vi dân sự nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C yêu cầu Tòa án giao con chung là Nguyễn Ngọc Trà M cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị C không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C khai vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Hữu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để chị C và anh S hàn gắn quan hệ hôn nhân, nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải được, do đó Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố 8, phường T, thành phố Huế: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hữu S kết hôn với nhau khoảng năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 5/46 đường T, phường T, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S ham chơi thiếu quan tâm đến gia đình, đến khoảng giữa năm 2024 thì vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo ông Nguyễn Hữu K là bố của anh Nguyễn Hữu S cho biết giữa chị C và anh S trong quá trình chung sống thường hay gây gổ nhau, nguyên nhân là do anh S chơi đánh bạc nên vợ chồng thường hay to tiếng với nhau. Chị C và anh S đã sống ly thân nhau, vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều

147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 06/5/2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị và anh Nguyễn Hữu S có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố Huế. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn bị đơn là anh Nguyễn Hữu S mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hữu S tìm hiểu nhau được được một thời gian, đến ngày ngày 09/12/2004 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Huế), vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng chị C, anh S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế khó khăn của vợ chồng nên anh chị hay cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2024 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa án. Qua quá trình xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy thực tế vợ chồng có mâu thuẫn và đời sống chung không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C và anh S đã thật sự trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị C được ly hôn với anh S.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh S có 02 con chung là Nguyễn Hữu Quốc H, sinh ngày 25/9/2005 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 06/5/2012. Hiện nay các con đang chung sống cùng với chị C, con chung Nguyễn Hữu Quốc H đã trên 18 tuổi và có đủ năng lực hành vi dân sự nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào nguyện vọng của con, chị C yêu cầu Tòa án giao con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 06/5/2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của con khi cha mẹ ly hôn, nhưng chị C cho rằng hiện nay có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc chị C không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000442 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Thanh Thuỷ *(ĐKKH số 136 ngày 09/12/2004 tại xã Thuỷ Phương cũ);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hạnh